

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

*“V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị M và anh T”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Thơm

2/ Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “xin ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 141/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

1.1 Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Thị M với anh Lê Chí T là do mai mối của người thân, sau thời gian tìm hiểu chị M và anh T tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc ấp X, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T

thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn, sau khi nhậu say thì kiếm chuyện chửi bới và đánh đập chị M, do không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị M đưa con về nhà cha mẹ ruột mình sinh sống từ tháng 5/2019. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Lê Chí T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Hồng H, sinh năm 2003; Lê Tuấn A, sinh năm 2012. Khi ly hôn chị M yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lê Chí T trình bày: Thống nhất với chị Võ Thị M về quan hệ hôn nhân, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do xuất phát từ những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ đưa con về nhà cha mẹ vợ ở từ năm 2019, anh có năn nỉ vợ con về nhưng vợ không đồng ý nên anh T buồn mới đi uống rượu. Nay chị M kiên quyết xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

- Về Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng dân sự.

- Về nội dung: Do hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, chị M kiên quyết xin ly hôn với anh T. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị chấp nhận cho ly hôn giữa chị M và anh T. Về nuôi con chung: Các con chung của chị M và anh T có nguyện vọng sống chung với chị M, đồng thời chị M cũng xin được quyền tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án giao các con Lê Thị Hồng H, sinh năm 2003; Lê Tuấn A, sinh năm 2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có và không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tổ tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Lê Chí T và yêu cầu được

nuôi con chung. Xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cờ Đỏ nên thẩm quyền giải quyết thuộc tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Chí T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Võ Thị M với anh Lê Chí T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn khiến cho quan hệ vợ chồng ngày càng xa cách, từ khi vợ chồng ly thân cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M kiên quyết xin ly hôn và anh T cũng đồng ý. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Võ Thị M với anh Lê Chí T.

[5] Về nuôi con chung: Xét cháu Lê Thị Hồng H, sinh năm 2003; Lê Tuấn A, sinh năm 2012 có nguyện vọng sống với chị M đồng thời chị M cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con chung đến trưởng thành nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao quyền nuôi con chung cho chị Võ Thị M theo quy định của pháp luật. Anh T có đề nghị Tòa án xem xét được nuôi con chung nhưng xét theo nguyện vọng của các con và điều kiện vật chất anh T không đảm bảo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Võ Thị M không yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét về tài sản chung.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Lê Chí T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị M và anh Lê Chí T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Hồng H, sinh năm 2003; Lê Tuấn A, sinh năm 2012 cho chị Võ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Chí T theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013091 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Hưng;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa